TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31 / 3 / 2022
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm;

2. Bà Phan Thị Nga.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tuyết B, sinh năm 1999; địa chỉ: số nhà 646, ấp An Quới, xã An Thạnh Trung, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Dương Minh H, sinh năm 2001; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết B trình bày*, qua tìm hiểu, bà B và ông H kết hôn vào tháng 5/2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang ngày 04/6/2021. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Dương Ngọc Lan K, sinh ngày 30/10/2021.

Con chung đang được bà B nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau thời gian chung sống, đến tháng 12/2021 vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, chồng hay uống rượu, bia, không quan tâm đến vợ con, đánh vợ. Vợ chồng không còn sống chung hai tháng nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà B yêu cầu được ly hôn với ông H; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Dương Ngọc Lan K, sinh ngày 30/10/2021, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện gồm: bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 53, ngày 04/6/2021 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang cấp; bản sao giấy khai sinh của Dương Ngọc Lan K, sinh ngày 30/10/2021.

- *Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Dương Minh H trình bày*, qua tìm hiểu, bà B và ông H kết hôn vào tháng 5/2021, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang ngày 04/6/2021. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Dương Ngọc Lan K, sinh ngày 30/10/2021. Con chung đang được bà B nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau thời gian chung sống, đến tháng 12/2021 vợ chồng không có mâu thuẫn. Vợ chồng không còn sống chung hai tháng nay.

Do ông còn thương vợ, thương con nên ông H không đồng ý yêu cầu được ly hôn với bà B; đồng ý để bà B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Dương Ngọc Lan K, sinh ngày 30/10/2021, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi dạy con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Từ khi Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm đến nay giữa ông và bà B cũng chỉ liên hệ với nhau qua điện thoại, bà B cũng không đồng ý để ông về chung sống với bà; ông cũng đã cố gắng níu kéo tình cảm, nhưng bà B không thay đổi.

Do bận đi làm xa, không thể có mặt khi Tòa án triệu tập nên ông H yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án.

Tại phiên tòa,

- Bà B trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, bà B không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà B và ông H chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà B, ông H hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét thấy, bà B yêu cầu ly hôn với ông H xuất phát từ việc sau khi kết hôn, bà B và ông H đã không có tiếng nói chung, thường hay mâu thuẫn, chồng hay uống rượu, bia, không quan tâm đến vợ con, đánh vợ, 02 bên cũng đã không còn chung sống với nhau khoảng 02 tháng nay, việc này ông H cũng thừa nhận và yêu cầu được hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông nhận thấy sai lầm và mong muốn sửa đổi. Mặt khác, thời gian Tòa án thụ lý vụ án, hòa giải đã tạo điều kiện để ông H hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng phía bà B không đồng ý và kiên quyết ly hôn, nên mục đích hôn nhân không đạt nếu buộc sống chung sẽ không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Ngọc Lan K, sinh ngày 30/10/2021. Bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi dạy con chung, yêu cầu này cũng được bị đơn đồng ý, yêu cầu này phù hợp quy định của pháp luật, do đó giao con chung cho bà B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi dạy con chung: Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi dạy con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của ông H đối với việc cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà B, ông H không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Phạm Thị Tuyết B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Dương Minh H. Đồng thời, ông H cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước khi phiên tòa được mở, ông H có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà B và ông H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà B, ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà B xác định, trong quá trình chung sống, chồng hay uống rượu, bia, không quan tâm đến vợ con, đánh vợ. Vợ chồng không còn sống chung hai tháng nay. Cho nên, bà B yêu cầu được ly hôn với ông H.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, bà B khẳng định không còn tình cảm với ông H, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc không có tiếng nói chung, chồng hay uống rượu, bia, không quan tâm đến vợ con, đánh vợ. Vợ chồng không còn sống chung hai tháng nay, từ khi thụ lý vụ án, cũng như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cả bà B, ông H cũng không thể đoàn tụ, hàn gắn tình cảm được; mặc dù ông H không đồng ý ly hôn, với lý do ông còn tình cảm với bà B, những mâu thuẫn bà B trình bày ông xác nhận là đúng và muốn sửa đổi sai điều này bà B không chấp nhận, tại phiên tòa bà B vẫn giữ yêu cầu, không đồng ý việc hàn gắn tình cảm, do thời gian chung sống bà B và ông H ông có đánh vợ nhưng do trong lúc giận ông đã sửa đổi. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng cả hai đến nay không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, ông H cũng nhiều lần liên hệ để hai vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà B không thay đổi.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà B yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

[2.2] Về con chung: Bà B, ông H cùng thống nhất, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Dương Ngọc Lan K, sinh ngày 30/10/2021. Bà B yêu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông H đồng ý để bà B được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy việc yêu cầu tiếp tục nuôi con chung của bà B là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi dạy con chung của ông H, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà B và ông H xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông H chịu án phí cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 273 *Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết B.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Tuyết B được ly hôn với ông Dương Minh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 53, ngày 04/6/2021 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Phạm Thị Tuyết B và ông Dương Minh H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Tuyết B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Dương Ngọc Lan K, sinh ngày 30/10/2021. Ông Dương Minh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi dạy con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 4 năm 2022 đến khi con chung thành niên.

Bà Phạm Thị Tuyết B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Dương Minh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Tuyết B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010113 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 07 tháng 02 năm 2022; bà Phạm Thị Tuyết B đã nộp đủ án phí.

Ông Dương Minh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi dạy con chung 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị Tuyết B có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Dương Minh H được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã A, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy